

Bản án số: 1010/2017/DS-ST

Ngày: 01/9/2017

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng
phát hành thẻ tín dụng quốc tế ”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Ông Bùi Nam Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên .

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2016/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NTVN

Địa chỉ: Số Đường A, Phường M, Quận N, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Phát H giấy ủy quyền số 19/UQ-HCM.NCTH ngày 18/02/2016.

Địa chỉ: Đường B, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn : Ông Trần Hữu D, sinh năm 1972.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số Đường C, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D và bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2016 của Ngân hàng TMCP NTVN và trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phát H trình bày: Ngày 19/12/2013 ông Trần Hữu D có đơn yêu cầu Ngân hàng TMCP NTVN (gọi tắt Ngân hàng) phát hành thẻ tín dụng quốc tế theo thông tin thẻ yêu cầu phát hành. Ông D yêu cầu Ngân hàng phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế cá nhân cho ông D gồm: Thẻ Vietcombank American Express hạn mức tín dụng đề nghị 5.000.000 đồng và thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa hạn mức tín dụng đề nghị 10.000.000 đồng và Ngân hàng đã phát hành cho ông D chủ thẻ của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế gồm: Tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 với hạn mức tín dụng 5.000.000 đồng và tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng, loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Trần Hữu D, số CMND 022594412, địa chỉ cư ngụ: Số Đường C, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng hạn mức tín dụng 02 thẻ tín dụng nêu trên là 15 triệu đồng.

Sau khi, Ngân hàng phát hành tài khoản thẻ tín dụng cho ông D, thì ông D đã sử dụng thẻ tín dụng nêu trên để chi tiêu cá nhân mà không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ hàng tháng và đến nhà trực tiếp giải quyết công nợ nhưng ông D đều né tránh và không hợp tác. Do ông D không thực hiện việc thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ sau:

- Đối với tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732, tổng cộng số tiền 12.326.058 đồng bao gồm: Nợ gốc 4.691.068 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 1.725.961 đồng, phí chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 5.085.207 đồng và phí vượt hạn mức tín dụng tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 823.821 đồng.

- Đối với tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 tổng cộng số tiền 26.729.748 đồng bao gồm: Nợ gốc 9.992.588 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 3.488.888 đồng và phí chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 11.232.071 đồng và phí vượt hạn mức tín dụng tạm tính đến ngày 21/7/2017 là 2.016.200 đồng.

Từ tháng 8/2015 Ngân hàng đã ngưng cho ông Trần Hữu D sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng nêu trên cho đến nay.

Tổng cộng số tiền ông Trần Hữu D phải trả cho Ngân hàng do sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên là 39.055.805 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc, trả phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức tín dụng của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên tính từ ngày 22/7/2017 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Đây là khoản vay tín chấp cá nhân của ông D, nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu vợ của ông D là bà Trần Thị Kim L trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ cùng với ông D.

Tại phiên Tòa: Đại diện nguyên đơn ông H trình bày như sau: Do ngày 21/8/2017 ông D có mặt tham dự phiên Tòa. Ngân hàng được biết hiện nay ông D rất khó khăn về tài chính, để tạo điều kiện cho ông D trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả nợ cho Ngân hàng 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng cộng số tiền là 38.073.720 đồng còn thiếu do sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế gồm:

- Tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 nợ tổng số tiền 12.403.394 đồng gồm: Nợ gốc số tiền: 4.691.068, tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 1.871.386 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 5.840.940 đồng. Đối với yêu cầu phí vượt hạn mức tín dụng tính đến ngày 01/9/2017 số tiền là 1.023.820 đồng thì Ngân hàng yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu ông D phải trả phí vượt hạn mức tín dụng số tiền là 1.023.820 đồng cho Ngân hàng.

- Tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 nợ tổng số tiền 25.670.326 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 9.992.588 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 3.643.775 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 12.033.963 đồng. Đối với yêu cầu phí vượt hạn mức tín dụng tính đến ngày 01/9/2017 số tiền là 2.236.972 đồng thì Ngân hàng yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu ông D phải trả phí vượt hạn mức tín dụng số tiền là 2.236.972 đồng cho Ngân hàng.

Từ ngày 02/9/2017, thì ông D phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc của 02 tài khoản thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng.

Từ ngày 02/9/2017 trở về sau, ông D không trả phí chậm thanh toán của 02 tài khoản thẻ tín dụng nêu trên cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Hữu D vắng mặt và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L vắng mặt và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết do bị đơn ông D có địa chỉ tại Quận 3, nên Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa, bị đơn ông D và bà L vắng mặt nên cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông D phải trả phí vượt hạn mức tín dụng tổng cộng số tiền là 3.260.792 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP NTVN khởi kiện ông D phải trả số tiền còn thiếu do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế phát sinh tranh chấp từ hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2013 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Ông Trần Hữu D và bà Trần Thị Kim L đang sinh sống tại địa chỉ số Đường C, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim L là vợ hợp pháp của ông Trần Hữu D.”;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L đã được Tòa án thông báo Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo

về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông D trả phí vượt hạn tín dụng số tiền 3.260.792 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng. Nếu sau này, Ngân hàng khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với yêu cầu Ngân hàng buộc ông D phải trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng cộng số tiền là 38.073.720 đồng còn thiếu do sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế gồm:

- Tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 nợ số tiền 12.403.394 đồng gồm: Nợ gốc số tiền: 4.691.068 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 1.871.386 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 5.840.940 đồng;

- Tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 nợ số tiền 25.670.326 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 9.992.588 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 3.643.775 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 12.033.963 đồng;

Từ ngày 02/9/2017, ông D phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc của 02 tài khoản thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng không yêu cầu ông D phải trả phí chậm thanh toán của 02 tài khoản thẻ tín dụng nêu trên, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2013 của ông Trần Hữu D yêu cầu Ngân hàng TMCP NTVN phát hành thẻ tín dụng quốc tế, cấp tài khoản thẻ tín dụng cho cá nhân ông D với 02 loại thẻ Vietcombank American Express hạn mức tín dụng đề nghị 5.000.000 đồng và thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa hạn mức tín dụng đề nghị 10.000.000 đồng. Ngân hàng chấp thuận yêu cầu của ông D và phát hành tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 với hạn mức tín dụng 5.000.000 đồng và tài khoản thẻ

tín dụng Visa V0734061 với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng theo các thông tin ông D yêu cầu.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Ông Trần Hữu D và bà Trần Thị Kim L đang sinh sống tại địa chỉ số Đường C, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim L là vợ hợp pháp của ông Trần Hữu D” và đối chiếu với thông tin theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2013 thì ông D có cung cấp thông tin bà Trần Thị Kim L là vợ của ông D cho Ngân hàng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thì Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng như đã nhận định ở phần trên về thủ tục tố tụng và ông D không có văn bản ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân ông D trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản như sau: “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

5. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”;

Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định tại điểm o khoản 2.2 Điều 2 về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “ Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch chi tiêu, phí và lãi phát sinh theo qui định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ.” và tại khoản 4.1,

khoản 4.2, khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 qui định về thanh toán và trả nợ như sau:

“ Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch ...; Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo biểu phí do Ngân hàng qui định.; Hàng tháng vào ngày sao kê, Ngân hàng sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ; Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê qui định.”;

Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định như sau: “ Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “ Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”;

Căn cứ Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng áp dụng cho thẻ Vietcombank American Express và thẻ Vietcombank Visa được Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và bảng mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng Vietcombank trong quá trình sử dụng thẻ của ông D như sau: “ Từ ngày 16/01/2014 đến ngày 31/7/2015 thì mức lãi suất 20%/năm; Từ ngày 01/8/2015 đến ngày 02/4/2017 thì mức lãi suất 17%/ năm; từ ngày 03/4/2017 đến nay mức lãi suất 18%/ năm.” do Ngân hàng nộp ngày 23/6/2017.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự qui định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh như sau: “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án thì ông D và bà L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và ông D cũng có mặt tại phiên Tòa ngày 21/8/2017 mà ông D không có văn bản ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện buộc cá nhân ông D trả nợ, thì việc Ngân hàng khởi kiện ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ do sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên là có thật.

[2.1] Đối với yêu cầu tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 nợ tổng cộng số tiền 12.403.394 đồng gồm: Nợ gốc số tiền: 4.691.068 đồng, tiền lãi

tính đến ngày 01/9/2017 là 1.871.386 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 5.840.940 đồng thì căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank American Express ngày sao kê từ ngày 01/02/2014 cho đến ngày 01/9/2017 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí thẻ tín dụng đến ngày 01/9/2017 của Ngân hàng nộp, có thể hiện ông D sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng là 5.000.000 đồng, mã tài khoản A0726732 và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và qui định pháp luật đã dẫn chiếu ở phần trên thì ông D còn nợ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu buộc ông D trả số tiền 12.403.394 đồng của tài khoản thẻ tín dụng Amex A0726732 là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 nợ tổng cộng số tiền 25.670.326 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 9.992.588 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 3.643.775 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 12.033.963 đồng thì căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank Visa ngày sao kê từ ngày 20/01/2014 cho đến ngày 20/8/2017 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí đến ngày 01/9/2017 của Ngân hàng nộp, có thể hiện ông D sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mã tài khoản V0734061 và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và qui định pháp luật đã dẫn chiếu ở phần trên, thì ông D còn nợ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu buộc ông D trả số tiền 25.670.326 đồng của tài khoản thẻ tín dụng Visa V0734061 là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ ngày 02/9/2017 trở về sau, Ngân hàng không yêu cầu ông D trả phí chậm thanh toán của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên cho Ngân hàng, là Ngân hàng tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến.

[2.3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì ông D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận là 1.903.686 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội và khoản 2, Mục 1 của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án) năm 2009.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP NTVN buộc ông Trần Hữu D trả phí vượt hạn tín dụng số tiền 3.260.792 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định của pháp luật.

Buộc ông Trần Hữu D trả cho Ngân hàng TMCP NTVN tổng cộng số tiền 38.073.720 đồng bao gồm: Nợ gốc là 14.683.656 đồng, tiền lãi tính đến ngày 01/9/ 2017 là 5.515.161 đồng và phí chậm thanh toán tính đến ngày 01/9/2017 là 17.874.903 đồng của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank American Express A0726732 và Vietcombank Visa V0734061.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Hữu D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc số tiền là 14.683.656 đồng của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank American Express A0726732 và Vietcombank Visa V0734061 cho Ngân hàng TMCP NTVN kể từ ngày 02/9/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được qui định tại đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2013 và Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Từ ngày 02/9/2017 trở về sau, ông Trần Hữu D không trả phí chậm thanh toán của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank American Express A0726732 và Vietcombank Visa V0734061 cho Ngân hàng TMCP NTVN.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.903.686 đồng ông Trần Hữu D phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP NTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 448.097 đồng theo biên lai thu số 0001826 ngày 29/01/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP NTVN được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Hữu D và bà Trần Thị Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn